

# VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

*CƠ-QUAN HOÀNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC*



Năm thứ 9 - Số 93, Ngày 22-6-50 (8-5 Canh-Dần), Phật lịch 2513

*Hội Đồng Kiểm-Duyệt Giáo-lý Phật-Giáo Trung-Việt  
và Tổng Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học duyệt-y.*

# Mục Lục

- |  |                  |
|--|------------------|
| 1) Lời nói đầu   | Viên-Âm          |
| 2) Ưu bà tắc ( số 1) (Kinh học)                              | Thích Trí Quang  |
| 3) Nghiên cứu luận Duy thức (Luận học)                       | Thích Kim Sơn    |
| 4) 12 nhân duyên (Bài giảng)                                 | Thích Nhật Quang |
| 5) Vài đặc điểm của Phật giáo                                | Thích Trí Hải    |
| 6) Những Mẩu chuyện Đạo                                      | Thích Minh Châu  |
| 7) Lương Vô Đế (Truyện kỳ)                                   | Thích Thuần Minh |
| 8) Đời sống Giải thoát có thể thật hiện ở<br>Âu châu không ? | Thích Minh Châu  |
| 9) Tin tức   |                  |

## Giới thiệu sách

I. — KINH VÔ LƯỢNG NGHĨA của Tỷ kheo HẢI TỊNH, do Tổng Trì Sự xuất bản, Phật Học Đường phát hành, giá 10\$00. Muốn thỉnh xin viết thư cho bà TRƯƠNG XƯƠNG, 20 đường Gia-long, Huế.

II. — TRUYỆN PHẬT THÍCH CA của Sa môn Trí Hải, giá 3\$00, muốn thỉnh xin viết thư cho tác giả 73 phố Quán sứ Hà-nội.

III. — LỊCH SỬ TRUYỀN BÁ CỦA PHẬT GIÁO, của bản báo chủ bút THÍCH TRÍ QUANG, đang in.

# LỜI NÓI ĐẦU

Chung quanh (chứ không phải ở trong) Phật học có những hình thức và những nhân vật mà sự phát sinh, sự tồn tại của nó chỉ như những hiệu tượng kỳ dị của vũ trụ, thì lẽ tất nhiên sự tiêu diệt của nó cũng không có giá trị gì đáng nói nữa.

Đến như Phật học thì có thể có hai trường hợp: trường hợp bị tiêu diệt và trường hợp có thể tiêu diệt.

Trong trường hợp thứ nhất, trường hợp « bị tiêu diệt » thì không còn nói đến lẽ phải nữa, mà chỉ có sức mạnh.

Đứng về mặt tỉnh mà xét, Phật học 2513 năm nay không hề làm đổ cửa nhân loại một giọt máu; đã phá đổ quan niệm giai cấp, đã hủy bỏ ý thức chủng tộc, đã triệt để bài trừ tâm lý tàn ác gian hùng. Đứng về mặt động mà xét thì Phật học là một thứ khủng bố đối với mê tín dị đoan, là một lực lượng phá hoại xã hội đau khổ, kiến thiết tương lai tốt đẹp, nói tóm Phật học là một Đạo đầy đủ mọi khả năng để xây dựng và duy trì hòa bình. Từ xưa đến nay những dân tộc, những thời đại nào Phật học thịnh hành thì thời đại đó hùng cường và dân tộc đó mạnh mẽ. Cho dầu có bị đàn áp thì chỉ như một cơn ác mộng. Rồi lại nhờ Phật học đào luyện mà họ vẫn đón tiếp và tác động những phong trào sáng rực. Đối với loài người, Phật học là người có công nhất từ xưa đến nay và về sau, với đặc điểm duy nhất của nó là TÔN TRỌNG SỰ SỐNG. Vậy nếu ở một trường hợp

Phật học phải bị tiêu diệt thì sự tiêu diệt này chỉ vì những cường quyền như cường quyền của viên đạn đối với người tử tù ái quốc. Cường quyền không dung Phật học chỉ vì Phật học không hợp cường quyền, chỉ vì cường quyền không dung Phật học. Còn vì ... vì ... chỉ là nói cho có cớ để mà làm. Cho nên đối với sự « bị tiêu diệt » này, đứng về phía Phật học mà ngó thì càng hay lắm, bởi vì như thế không khác gì sự im lặng để phản đối một chánh sách tai hại của viên nghị sĩ giữa nghị trường. Nhưng đứng về phía loài người mà xét thì chúng ta phải lấy làm buồn rầu rằng đó là một triệu chứng thoái hóa của « kiếp giẫm ».

Nhưng may mà trường hợp đó chưa xảy ra. Và chúng ta tin rằng chúng ta không đến nỗi vô ý thức để cho nó xảy ra. Chúng ta tin như thế vì chúng ta tin ở sự sáng suốt của lương trí, tin ở lẽ chí thiện của con người, tin ở sự tôn trọng hạnh phúc tự do của loài người. Chúng ta tin như thế, vì nhìn thấy hiện trạng rục rỏ cùng triển vọng quang minh tương lai của Phật học, nhất là trong khi các dân tộc Á đông và toàn thế giới đang vươn mình lên. Các dân tộc ấy tất nhiên họ phải bám víu vào một cái gì để tranh đấu, cái gì đó phải là cái tôn trọng sự sống cùng hạnh phúc của họ. Cái đó là cái gì, nếu không phải Phật học? Cho nên trường hợp bị tiêu diệt kia chỉ là tưởng tượng, hoặc thực tế có chăng cũng chỉ là sự mạnh động trong một lúc mà thôi.

Song đó là trường hợp thứ nhất, còn trường hợp thứ hai thì thế nào? Phật học có thể tiêu diệt hay không? Điều này thì chúng ta phải đau đớn mà nhận thấy có thể có lắm.

Như một chiếc đò đưa người, nó có thể vô dụng khi người đã qua sông hoặc không muốn qua. Phật học cũng thế. Nó là chiếc thuyền kiên cố luôn luôn cập bến

đau khổ để đưa người tiến hóa đến bờ sáng suốt. Cho nên nó sẽ vô dụng đối với người đã đạt đến sáng suốt an vui rồi đã đành, mà với những kẻ chỉ bằng lòng hụp lặn ở bến đau khổ mê muội thì chiếc đò Tiên Hóa Phật Học kia cũng vô ích. Vậy mà nhân loại ngày nay thì ở vào trường hợp thứ hai chứ không phải trường hợp thứ nhất. Nên Phật học có thể bị tiêu diệt lắm, có thể tiêu diệt vì người không thật hành nổi Phật học, vì không muốn tiến hóa, vì không thích hòa bình an lạc, vì con người không còn là người nữa.

Trong trường hợp Phật học có thể tiêu diệt này, Phật tử chúng ta có trách nhiệm rõ ràng. Trách nhiệm ấy là vạch rõ cho người ta thấy hụp lặn trong bến mê là khổ, cố sức cho người thật hành Phật học, chung nhau xây dựng một thế giới an vui Phật học.

Và như thế gọi là Hộ Pháp: giữ gìn duy trì Chánh Pháp cho tồn tại.

Lúc này hơn lúc nào cả, chúng ta, những người Phật tử chọn chánh hãy mạnh mẽ làm tất cả mọi công tác lợi ích về phương diện Đời cũng như về phương diện Đạo và hướng tất cả công tác ấy về mục đích duy nhất là mục đích « hộ trì Chánh Pháp ».

**Bị chú:** Chữ « cường quyền » mà chúng tôi dùng trong bài này là chỉ cho tất cả những ai cố ý phá hoại Phật học bằng sự phá hoại trắng, bằng sự lợi dụng, và mọi hình thức khác. Bởi chúng tôi xem sự lợi dụng cũng tai hại, cũng phá hoại Phật học như sự phá hoại trắng, chứ không phải thiên chỉ một người nào cả.

VIÊN ÂM

# U'U BÀ TẮC GIÓ'I

(SỐ 1)

THÍCH TRÍ-QUANG

## I. — TẬP HỘI

Tôi nghe như vậy : Một thời đức Phật cùng với 1.250 đại tỷ kheo, 500 tỷ kheo ni, 1.000 ưu bà tắc, và 500 người hành khát, ở trong tinh xá trưởng-giã Cấp Cô tại vườn thái tử Kỳ-Đà, thuộc nước Xá vệ.

Bấy giờ trong đại hội ấy có một trưởng-giã-tử tên là Thiện Sinh, bạch với đức Phật :

— Bạch đức Thế-Tôn ! Các vị thủ lãnh của 6 học thuyết ngoại đạo thường dạy người rằng nếu ai hằng ngày sớm chiều kính lễ sáu phương thì sự sống và tài sản đều được tăng thêm. Tại sao ? Vì phương đông thuộc thần trời, ai phụng sự thì thần ấy phù hộ ; phương nam thuộc thần đất, ai phụng sự thì thần ấy phù hộ ; phương tây thuộc thần nước, ai phụng sự thì thần ấy phù hộ ; phương bắc thuộc thần rắn, ai phụng sự thì thần ấy phù hộ ; phương dưới thuộc thần lửa, ai phụng sự thì thần ấy phù hộ ; phương trên thuộc thần gió, ai phụng sự thì thần ấy phù

hộ. Bạch đức Thế-Tôn ! Trong Chánh-pháp có lý thuyết 6 phương như thế hay không ?

— Thiện-nam-tử ! Trong Chánh pháp tôi cũng có 6 phương, nhưng tức là 6 ba la mật : Phương đông là bố thí, vì trước hết xuất sinh là xuất sinh điều kiện cho ánh sáng trí-tuệ. Phương nam là trì giới, vì trì giới là cánh phải của trí tuệ. Phương tây là nhẫn nhục, vì nhẫn nhục làm cho các điều ác bị bỏ ra đằng sau. Phương bắc là tinh tiến, vì tinh tiến thắng được tất cả các điều ác. Phương dưới là thiên định, vì thiên định có thể đứng dẫn quán sát các ác thú. Phương trên là trí tuệ, vì trí tuệ là vô thượng, không chi đối đãi nữa. Sáu phương này ai phụng sự (thực hành) được thì đứng dẫn tăng thêm sự sống và tài sản. Thiện-nam-tử ! Sáu phương như thế đều thuộc tâm chúng sinh, không phải như thuyết của ngoại đạo.

— Sáu phương như thế người có tư cách nào mới phụng sự được ?

— Thiện nam tử ! Chỉ có tư cách Bồ tát mới phụng sự được.

— Bạch đức Thế Tôn ! Thế nào gọi là một vị Bồ tát ?

— Vì có thể được Giác Ngộ nên gọi là Bồ tát, vì có tánh có thể Giác Ngộ nên gọi là Bồ tát.

— Bạch đức Thế Tôn ! Nếu được Giác Ngộ gọi là Bồ tát thì chưa phụng sự 6 phương làm sao được gọi là Bồ tát ? Nếu vì có tánh giác ngộ nên gọi là Bồ tát, thì người như thế nào mới có tánh ấy ? Người có tánh ấy thì phụng sự được sáu phương, người không thì không thể phụng sự, thế thì Thế Tôn không nên nói 6 phương đều thuộc tâm chúng sinh.

— Thiện nam tử ! không phải được Giác-Ngộ gọi là Bồ tát. Vì được Giác-Ngộ thì gọi là Phật Đà. Chưa được nhưng có thể được mới gọi là Bồ-tát.

Cũng không phải có tánh Giác ngộ mà gọi là Bồ tát. Thiện nam tử ! Tất cả chúng sinh không có tánh Giác ngộ cũng như không có tánh người, trời, súc vật, nhưng huân tập các hành vi tốt thì được làm người làm trời, huân tập các hành vi xấu thì phải làm súc vật ; cũng như thế : do thực hành các sự lợi ích, phát tâm bồ đề, mới gọi là Bồ-tát. Nếu bảo chúng-sinh ai cũng có tánh Bồ tát thì không đúng, vì nếu có tánh ấy rồi thì cần chi thực hành việc lành, phụng sự 6 phương ? Thiện nam tử ! Nếu có tánh thì đáng lẽ không có tâm chí mới lập, không có tâm chi thoái lui. Cho nên do thực hành vô số những điều lợi ích, phát tâm bồ đề, mới gọi là Bồ tát.

Thiện nam tử ! Có người thực hành theo ngoại đạo rồi không thích lý thuyết điên đảo của họ nên phát tâm bồ đề. Có người do những điều lành trong tâm kích động mà phát tâm bồ đề. Có người xét rõ khuyết điểm của sự sống chết nên phát tâm bồ đề: Có người nghe nói hoặc mục-kính những tội ác nên phát tâm bồ-đề. Có người biết một cách sâu xa tâm lý xấu-xa của mình, vì diệt trừ những tâm lý ấy nên phát tâm bồ-đề. Có người mục-kích các trí-thông của ngoại-đạo nên phát tâm bồ-đề. Có người muốn biết vũ-trụ hữu hạn hay vô hạn nên phát tâm bồ-đề. Có người mục-kích hoặc nghe nói những sự bất tư nghị của Như-lai nên phát tâm bồ-đề. Có người vì



sinh tâm thương xót nên phát tâm bồ-đề. Có người vì thân yêu chúng-sinh nên phát tâm bồ-đề.

Thiện-nam-tử ! Tâm bồ-đề ấy có ba tầng bậc là thấp, vừa và cao. Nếu bảo chúng-sinh có tánh quyết định thì sao lại có ba thứ ấy ? Tâm bồ-đề của chúng-sinh thấp có thể tiến lên vừa, vừa có thể tiến lên cao, cũng như cao có thể thoái xuống vừa, vừa có thể thoái xuống thấp. Siêng-năng thực hành các sự ích lợi thì tiến lên, không siêng-năng thực hành thì thoái xuống, khéo thực hành tăng tiến thì không thoái lui, không khéo thì thoái. Lúc nào cũng vì hết thấy chúng-sinh mà thực hành các điều lợi ích thì không thoái lui, không như thế thì bị thoái. Không vì chúng-sinh thì bị bỏ-tát ấy tâm chí thoái lui, tâm chí khiếp nhược. Nếu lúc nào cũng vì muôn loài thực hành các sự lợi-ích thì không còn thoái lui, tôi nói trước người ấy quyết định không bao lâu sẽ được Vô-thượng-bồ-đề.

Thiện-nam-tử ! Ba thứ Bồ-đề không phải quyết định. Nếu quyết-định thì phát tâm thanh-văn-bồ-đề hay duyên-giác-bồ-đề rồi đáng lẽ không thể phát tâm vô-thượng-bồ-đề. Thiện-nam-tử ! Như một nhóm người thì không có cái gì đồng, nhất và quyết định, ba tâm tánh bồ-đề cũng thế. Nếu bảo có tánh quyết định thì ấy là thuyết của ngoại đạo. Tại sao ? Vì thuyết của ngoại đạo không nhân không quả, như thuyết « trời tự tại » là không phải nhân cũng không phải quả.

Thiện-nam-tử ! Có người chủ trương tánh bỏ-tát ví như chất vàng trong đá, tánh chất ấy dùng những cách thức khôn khéo mà tìm lọc thì thành vàng tốt. Tánh bỏ-tát cũng vậy. Đó là thuyết của ngoại đạo. Ngoại đạo bảo trong hạt câu đà đã

có cây câu đà, trong mắt có đá lửa. Nên ngoại đạo không có lý nhân-quả, nhân là quả quả là nhân. Hạt câu đà đã cụ thể có cây câu-đà, đó là thuyết nhân quả của ngoại đạo. Thuyết ấy phi lý. Tại sao? Vì nhân thì nhỏ mà quả thì to. Nếu bảo trong mắt có lửa thì mắt hẳn phải cháy, cháy thì làm sao thấy được cảnh vật? Trong mắt có đá thì đá làm mờ mắt, mắt mờ thì thấy sao được? Thiện-nam-tử! Thuyết của ngoại đạo có quyết định có, không quyết định không, không không phát sinh, có không tiêu diệt. Nếu bảo trong đá có chất vàng thì đá vàng đừng nói chất, đá chất đừng nói vàng. Thiện-nam-tử! Tất cả vạn hữu do sự tương quan (nhân duyên) nên có sự hóa hợp, do sự tương quan hóa hợp nên trước chưa mà sau có, bảo không quyết định không thì nghĩa ấy nói sao? Vàng bỏ vào thủy ngân thì vàng tiêu, nếu bảo có không tiêu diệt thì điều ấy thế nào? Cho nên bảo chúng sinh có tánh bồ-tát, đó là thuyết của ngoại đạo, không phải là chánh-pháp của các đấng Giác-Ngộ. Thiện-nam-tử! Ví như dùng các cách thức tìm lộc thì đá thành vàng, tánh bồ-tát cũng như thế: Chúng-sinh có tâm tư duy, tư duy ấy gọi là hy vọng; đem tâm hy vọng ấy hợp với các điều lành thì lập chí nguyện mong cầu Vô-thượng-bồ-đề và đồng thời phát huy bản năng Bồ-đề giác-ngộ, thế gọi là tánh bồ-tát. Thiện-nam-tử! Chúng-sinh trước chưa có bồ-đề sau mới có, thì tánh cũng vậy: trước chưa sau có, nên không thể nói là quyết định.

Thiện-nam-tử! Vì mong cầu trí-tuệ vĩ đại, vì giác-ngộ thực tướng của các pháp, vì đại trang-nghiêm, vì kiên cố tâm chí, vì cứu giúp vô số chúng-sinh, vì không tiếc rẽ tính mệnh ấy gọi là bồ-tát thực hành đại thừa. Thiện-nam-tử! Bồ-tát có hai: có vị thoái lui, có vị không thoái. Thực hành nghiệp

nhân 32 diệu tướng rồi gọi là không thoái, chưa thì có thể thoái lui. Bồ-tát lại có hai: có vị xuất-gia, có vị tại-gia. Xuất-gia bồ tát thực hành 8 trọng giới hoàn toàn thanh tịnh, gọi là không thoái; còn tại gia bồ-tát thực hành 6 trọng giới hoàn toàn thanh-tịnh, cũng gọi là không thoái.

Thiện-nam-tử ! Phước đức ly dục của ngoại đạo hơn tất cả phước đức của chúng-sinh còn dục vọng, tu đà hoàn hơn tất cả ngoại đạo hiểu-biết sai lầm, tư đà-hàm, hơn tất cả tu đà hoàn, a-na-hàm hơn tất cả tư đà hàm, a-la-hán hơn tất cả a-na-hàm, duyên-giác hơn tất cả a-la hán. nhưng các vị tại-gia phát tâm bồ-đề thì hơn tất cả các vị duyên-giác. Các vị xuất-gia phát tâm bồ-đề, điều ấy không khó, các vị tại-gia phát được tâm bồ-đề mới là bất tư nghị, tại sao, vì người tại gia bị vô số những điều ác liệt bao vây. Khi người tại-gia phát-tâm bồ-đề thì từ tầng trời dưới hết đến tầng trời trên hết đều kinh dị và hoan-hỷ, nói rằng thế là ta được đức Thầy Cao-Cả Của-Trời Người.

## PHỤ CHÚ

Sáu học thuyết ngoại đạo: I) Chủ trương đoạn diệt luận. Thủ lãnh là Phú lan na. II) Chủ trương tự nhiên sinh. Thủ lãnh là Mạt già lê. III) Chủ trương không tu hành. Thủ lãnh là San xà gia. IV) Chủ trương khổ hạnh. Thủ lãnh là A kỳ đa. V) Chủ trương ngũ biện. Thủ lãnh là Ca na. VI) Chủ trương định mệnh. Thủ lãnh là Ni Càn đà. Tức là Ấn độ giáo bây giờ.

**Bồ đề :** dịch ý là giác ngộ.

**Phát tâm bồ đề :** Có 2 nghĩa : 1) lập chí nguyện mong cầu trí giác ngộ tuyệt đối, 2) phát huy bản năng giác ngộ của tâm tánh.

**Tám trọng giới :** 1) Không sát sinh, 2) không trộm cướp, 3) không dâm dục, 4) không nói dối, 5) không khen mình chê người, 6) không lấn tiếm chánh pháp, 7) không không nhận sám hối, 8) không nói pháp tương trụ.

---

## **Cáo bạch**

---

Từ nay Viên Âm sẽ dịch tạng Kinh ƯU BÀ TẮC GIỚI trong phần kinh học,

# DUY THỨC LUẬN

THÍCH KIM-SƠN

## I. TỰ LUẬN

(tiếp theo)

### II. ĐỊA VỊ CỦA DUY THỨC LUẬN.

Như trên kia đã nói, toàn bộ Phật pháp có ba loại :

1) *Pháp không quá huệ* : Dưới sự quán chiếu của trí tuệ bát nhã, tất cả sự thật đều trình bày ra. Sự thật ấy là không thật gì hết. Nên gọi là pháp không quán huệ. Pháp không quán huệ tôn mục đích thuyết minh chân không, bao gồm tất cả kinh luận chuyên về không-quán.

2) *Pháp tướng duy thức* : Sự thật tuy không thật nhưng do nhân duyên (mà do Thức làm chủ) hóa hợp thì các pháp vẫn có tánh, tướng, và dụng tương đối. Những kinh luận nào thuyết minh đạo lý này nhiều hơn thì gọi là pháp tướng duy thức. Mục đích tôn pháp-tướng-duy-thức cốt thuyết minh diệu hữu.

3) *Chân như tịnh đức*: Các pháp duy nhất tâm, tâm đồng nhất tánh, tánh đủ hằng sa diệu dụng, nên gọi là chân như tịnh đức. Tôn Chân như tịnh đức mục đích thuyết minh chân như, bao gồm tất cả kinh luận tối cao của đại thừa.

Trong ba loại này, LUẬN DUY THỨC đứng vào loại thứ hai. Bởi vì mục đích của luận này thuyết minh đạo lý các pháp duy Thức. Nhưng đó là nói phần tổng quát. Chứ trừ diệt ngã chấp pháp chấp, thuyết minh bày diệu đức của vô-lậu-giới, với sự trình bày đó, Luận này quả có thể bao gồm tất cả Phật Pháp.

Đó là địa vị LUẬN DUY THỨC trong toàn bộ Phật Pháp. Còn trong *duy thức học* thì sao?

LUẬN DUY THỨC đối với nghĩa lý *duy thức học* đã nêu lên và thuyết minh một cách tuy vẫn tắt nhưng rất cụ thể, nên Luận ấy được gọi là cao hiểu pháp tràng: nêu cao lá cờ duy thức học. Xem đó cũng đủ thấy DUY THỨC LUẬN là cuốn Luận căn bản của Duy thức học vậy.

## PHU CHÚ DANH TỪ

*Bát nhã*: dịch ý là trí tuệ, là minh chiếu

*Không quán*: quán sát chiếu soi đạo lý chân-không.

*Nhân duyên*: Các điều kiện tương quan. Những điều kiện ấy quan hệ với nhau

gọi là nhân duyên hòa hợp. Do nhân duyên hòa hợp mà vạn hữu trình bày nên gọi là nhân duyên.

*Tánh, tướng, dụng* : Đặc tánh, tướng trạng và sự dụng.

*Diệu hữu* : Có một cách vi diệu. Do nhân duyên hòa hợp, các pháp hóa hiện trình bày một cách không lường, nên gọi là diệu hữu, cũng gọi là huyền hữu : có như huyền thuật, huyền bày ra ngàn vạn hiện tượng kỳ dị.

*Diệu dụng* : Khả năng quý báu.

*Đại thừa* : Giáo lý cao rộng, tuyệt đối.

*Ngã chấp* : quan niệm thân tâm là thật.

*Pháp chấp* : quan niệm vũ trụ là thật.

*Diệu đức* : Kết quả đặc biệt

*Vô lậu giới* : Địa vị mà tất cả thân tâm và vũ trụ đều thanh tịnh phát hiện từ a-đà-na thuần túy

---

BỊ CHÚ : Luận Học số 92 có sót một đoạn  
3) *Chân như tịnh đức* : lấy chân như làm chủ, có thể nói duy Tánh.

Xin đọc giả chú ý cho

# 12 NHÂN DUYÊN

THÍCH NHẬT QUANG

Một trong những lý thuyết căn bản của Phật học là 12 nhân duyên. Mục đích của nguyên lý 12 nhân duyên là thuyết minh sự kết cấu của sinh mệnh. Vậy nguyên lý 12 nhân duyên là gì? Ảnh hưởng của nguyên lý ấy đối với tư tưởng và hành động ra sao?

Muốn hiểu 12 nhân duyên, trước hết, chúng ta phải hiểu rằng đó là một nguyên lý, chứ không phải là định luật, lại càng không phải là sáng tác. Nhân duyên là sự thật. Sự thật ấy được tuệ giác đức Phật hiểu rõ và thuyết minh. Và con số 12 là con số đánh dấu và ghi tên sự thật ấy.

12 nhân duyên giải thích thế nào? Linh hồn của 12 nhân duyên là DANH SẮC, nghĩa là sinh mệnh chúng ta là sự hóa hợp của tâm lý và vật lý. Tâm lý và vật lý toàn thể là A-đà-na gọi là THỨC. Sinh mệnh A-đà-na, sự « hóa hợp của tâm lý vật lý » ấy do hoạt động (HÀNH) của ý chí (VÓ MINH) kích động thì biểu hiện thành sáu giác quan gọi là LỤC NHẬP, sáu giác quan tiếp xúc với ngoại giới (XÚC) nên cảm thọ (THỌ) ưa ghét (ÁI) và hành động (THỬ) hoàn thành một sự sống cụ thể (HỮU) có sống (SINH) chết (TỬ). Đứng mặt ngang mà xét thì sinh mệnh là sự hòa hợp của nhân duyên. Đứng mặt dọc mà xét thì sinh mệnh chỉ là sự liên tục của nhân duyên. Sự liên tục ấy tiệm-biến theo một thời gian bao nhiêu đó do ảnh hưởng của hành động thì gọi là sống, sự liên tục ấy đột-biến qua



một giai đoạn khác do năng lực của hành động cũ hết mới thuần thực, thì gọi là chết. — Cho nên chết có nghĩa là sinh ra, mà sinh là nối tiếp bởi cái chết, Giòng-Sống là liên tục của nhân duyên. Và nhân duyên nghĩa là các điều kiện liên quan và nối tiếp với nhau; sinh mệnh là danh từ, là hiện thân của sự liên quan và tiếp nối ấy. Ấy là đại nghĩa sơ lược của nguyên lý 12 nhân duyên

Thực ra nguyên lý nhân duyên không phải mới do đức Phật thuyết mình; trước ngài, Áo-nghĩa-thư cũng đã đề cập đến. Nhưng với sự nhận thức nông cạn, với sự trình bày hẹp hòi, nguyên lý nhân duyên chưa lộ được nguyên hình. Cái khuyết điểm lớn lao của các ngoại đạo về thuyết nhân duyên là thuyết ninh nhân duyên, họ không thừa nhận sự hoạt động của nhân duyên là do nhân duyên tự động. Họ quan niệm sự hoạt động ấy do một năng lực khác chi phối tác động. Năng lực ấy phải quan niệm Phạm thiên theo nhân-cách-hóa thì bảo rằng thượng đế, phải quan niệm Phạm thiên theo phiếm-thần-luận thì gọi là thần ngã. Họ nhìn sự thật chỉ được vài cánh vài khía, nên trở đã lời cuốn sự thật theo quan niệm sai lầm của mình. Sự thật thì nhân duyên tự nó đã có nghĩa kết cấu, chuyển động rồi. Nên Đức Phật đã đem sự thật về với sự thật. Ngài trình bày nguyên lý nhân duyên rõ ràng, ảnh hưởng rất hay cho tư tưởng và hành động của chúng ta,

1. — Nguyên lý nhân duyên cho chúng ta thấy sự sống là nhân duyên kết cấu hoạt động. Trong sự kết cấu hoạt động ấy hành động làm chủ nào: hành động gây ra sự sống, hành động thay đổi sự sống. Sống nghĩa là máu chảy, tim đập, ý nghĩ, trí biết, thì sống nghĩa là hành động rồi. Do đó, Phật tử chúng ta, do hiểu nguyên lý nhân duyên, mà phải hành động và phải thận trọng trong sự hành động.

2. — Nguyên lý nhân duyên cho ta thấy sự sống không phải ngẫu nhiên, lại càng không phải định mệnh. Bản chất của sự sống là hoạt động, hoạt động hợp lý thì đời sống an lạc, hoạt động phi lý thì kiếp sống đọa đày. Mà hợp lý và phi lý là vì đâu? vì trí tuệ hay vô minh, vì nhận thức sáng suốt hay mê mờ vậy. Cũng như giòng nước là phải chảy, nhưng hết bùn thì trong, còn bùn thì đục. Phật tử hiểu biết như vậy nên không lạc quan cũng không bi quan mà phải hành động. Không những thế mà thời, mà không-tránh động tìm tĩnh, chỉ lo sự sáng suốt.

Nói chung, nguyên lý nhân duyên làm cho ta thấy ta rất quan trọng đối với đời sống chúng ta, hành động của chúng ta có thể chuyển biến đời sống chúng ta. Sự nhận thức ấy nó bắt buộc chúng ta phải hành động những hành động hợp lý.

# VÀI ĐẶC ĐIỂM CỦA PHẬT-GIÁO

THÍCH TRÍ-HÀ

*Phật Giáo như ánh sáng mặt trời mà nhìn ánh sáng ấy, chúng ta chỉ có cặp mắt nhỏ hẹp. Tuy nhiên, một là tất cả, chúng ta có thể căn cứ một vài điều sau đây mà biết tất cả đặc điểm của Phật-Giáo.*

*Thứ nhất, đặc điểm của Phật Giáo là in như sự thật: lý thuyết phương pháp cũng kết quả đều hợp lý, đều như thật. Phật giáo không chen chủ quan của mình vào trước hay trong khi suy-nghiệm sự vật, và chân-lý của đạo Phật là lời kết luận sau sự suy nghiệm trung thật ấy. Đạo Phật chỉ thấy và chỉ nói những sự thật mà sự vật có, không thêm không bớt. Đạo Phật, nhân đó, cảm đoán những tín ngưỡng và những hành động không phát sinh từ sự hiểu biết như thật, và luôn đó, đạo Phật không công nhận những kết quả của tín ngưỡng mê mờ, hành động mạnh động là hợp lý. Cho nên Đạo Phật người ta cũng gọi là Đạo Nnư Thật.*

*Đặc điểm thứ hai là tôn trọng sự sống, không sát sanh, ăn chay, là những điều tượng trưng cụ thể cho đặc điểm ấy. Đạo Phật xem sự sống là trên tất cả. Hết thầy cái gì gọi là có giá trị là phải bảo vệ sự sống ấy. Giết sự sống để nuôi sự sống là mé muội mà vì tham sống nên hại sự sống cũng là vô minh. Cho nên tôn trọng sự sống không những bằng cách giúp nhau để sống còn, mà còn có khi phải hy-sinh sự sống để bảo vệ sự sống nghĩa là có có khi tiêu cực như ăn chay để cứu muôn loài, có khi tích cực như « đại thọ chúng sanh khò » để cứu vạn loại. Đạo Phật đặc biệt chú trọng và nêu cao chủ nghĩa lợi tha, nhưng chữ Lợi ấy là phải hướng về mục-đích tôn trọng sự sống.*

*Đặc điểm thứ ba của đạo Phật là chỉ thừa nhận sự tương quan sinh tồn. Đạo Phật dạy cho người ta thấy ở đời phải tự*

lập chứ không thể biệt lập, chỉ có như nhau không thể hơn nhau. Phật tử không thấy, không tạo nên một đối phương. Vũ trụ là một lò tương quan; không có gì là trung tâm, không có gì là phụ thuộc, hay là ngược lại. Bởi thế cho nên phân-ly là tự tạo một ung nhọt, mà chiến đấu (theo nghĩa hẹp) chỉ là tương đối. Chiến đấu phải là một hành động vì bảo vệ sự sinh tồn mà bất đắc dĩ phải áp dụng trong trường hợp bất đắc dĩ. Nếu biến sự bất đắc dĩ ấy thành sự tuyệt đối cần thiết trong mọi trường hợp thì chiến đấu sẽ trở thành chiến tranh.

Đặc điểm thứ tư của đạo Phật là xác nhận người là trung tâm điểm của xã hội loài người. Đạo Phật không nói duy-tâm, không nói duy-vật, mà tất cả đều do người phát sinh và đều phát sinh vì người. Kết luận này thực tế ở đâu cũng rõ rệt cả. Trên thế giới loài người này không có gì tự nhiên sinh ra hay từ hư không rơi xuống, mà đều do năng lực hoạt-động con người tạo thành. Năng lực hoạt động con người tạo tác chi phối tất cả. Tất cả kham hay vui tiến hóa hay thoái hóa đều do con người đã man hay văn minh. Người là chúa của xã hội loài người. Xã hội loài người không thể có chúa trời thứ hai.

Đặc điểm thứ năm là Đạo Phật chú trọng đối trị tâm bệnh con người trước hết. Lý do rất dễ hiểu. Con người là trung-tâm-điểm của xã hội loài người, bởi vì xã-hội ấy tiến hoá hay thoái hoá là hoàn toàn do hoạt động chi phối; mà hoạt động con người lại do tâm trí con người chủ đạo, vậy xã-hội là phản ảnh trong thành của tâm trí con người. Cho nên muốn cải tạo xã hội, căn bản là phải cải tạo con người, cải tạo tâm bệnh con người. Tâm bệnh con người nếu còn độc tài tham lam thì xã hội loài người là địa ngục; tâm bệnh con người được đối trị rồi thì hoạt động con người tất sáng suốt mà xã hội con người, kết quả của hoạt động ấy, cũng tất cực lạc.

Đặc điểm thứ sáu, mục đích Đạo Phật là đào luyện con người thành bi, trí và dũng. Bi là tôn trọng quyền sống của người khác. Trí là hành động sáng suốt lợi lạc. Dũng là cực đoan quả cảm hành động. Dũng không có bi và trí thì sẽ thành tàn ác và manh động. Trí không có bi và dũng thì sẽ thành gian xảo và mộng tưởng. Bi

không có trí và dũng sẽ thành tình cảm vì kết nhất. Bi là tự cách tiến hoá, trí là trí thức tiến hoá, dũng là năng lực tiến hoá. Con người như thế là con người mới, căn bản của xã hội mới.

Đặc điểm thứ bảy của Đạo Phật là kiến thiết một xã hội mới, mà căn bản là con người mới. Cho nên tranh đấu cho xã hội mới ấy, trở lại vấn đề, là phải chiến thắng chính mình trước hết. Con người tự chiến thắng con người, nghĩa là cái « nhân » cũ (bóc lột, đàn áp, độc tài, xâm lược) không còn nữa, thì kết quả tranh đấu được cái « quả » mới là một xã hội mới. Trong xã hội ấy quyền sống tuyệt đối bình đẳng như sự sống : bình đẳng trong nhiệm vụ, bình đẳng trong hưởng thụ.

Đặc điểm thứ tám của Đạo Phật là tiến lên Vô thượng giác. Đào luyện một con người mới, một xã hội mới rồi, không phải mục đích của Đạo Phật cứu cánh ở đó. Cao xa, Đạo Phật còn hướng dẫn con người tiến lên chóp đỉnh của sự tiến hóa là địa vị Vô thượng-giác, địa vị vô minh toàn diệt, trí tuệ toàn giác : địa vị Phật Đà.

Đặc điểm thứ chín là Đạo Phật dạy phải tự lực giải thoát. Đây là một tinh thần cần thiết, tuyệt đối cần thiết. Đức Phật chỉ là đạo sư dẫn đạo con đường sáng cho chúng ta. Còn chúng ta phải tự thấp đước trí-tuệ lên mà đi, phải tự động cật chân năng lực của mình mà đi. Con người mới ta phải tự rèn luyện ; xã hội mới ta phải tự kiến thiết ; vô thượng giác ta phải tự tu tự chứng. Tự lực giải thoát là con đường duy nhất của mười phương các đấng Bạc già phạm. An lạc không phải cầu xin, trí giác không do cầu hỏi. Một điều nữa, nước trong bản chất là nước đục, hoa sen không mọc trên cát vàng, cho nên người đạo Phật phải tự lực giải thoát ngay trong cảnh giới đau khổ mê muội. Lánh ngoài thế gian đau khổ để tìm giác ngộ, thì Kinh dạy, đó là đi tìm sừng thỏ. Đức Phật từng dạy : 10 người chia 2 tô'p, 5 dốt nát, 5 thông minh, Phật tử trí giác không có đứng vào hàng ngũ thông minh mà phải hướng về tô'p người ngu dốt đều dắt họ. Hoa Đàm muôn thuở người ta chỉ tìm thấy trong ao bùn, Giác ngộ vô thượng chỉ có bởi chúng sanh.

Đặc điểm thứ mười của Đạo Phật là hiện chứng thể nghiệm. Đức Phật chỉ hướng dẫn chúng ta, chứ chân lý không phải là thứ đem quoy phim cho người thấy được. Đức Phật là đạo sư, nhưng trí giác không phải là thứ ai dạy khôn cho ai. Cho nên đối với chân lý tối cao, ta phải tự lực thể nghiệm. Sự tự lực thể-nghiệm ấy không những áp dụng với tinh thần tự lực giải thoát mà thôi mà còn đặt biệt chú ý đến sự hiện chứng. Thế nào gọi là sự hiện chứng? Ví dụ con đường đi đến Mai thôn hoa lệ có mười đoạn. Người đi không ham, không thể ham nhẩy vọt đến Mai thôn không qua mười đoạn đường, mà phải đi từng bước, bước từng đoạn, được một đoạn là đến Mai thôn một đoạn. Con đường Vô thượng giác cũng vậy, nương theo lời Phật chỉ dẫn, ta phải bước từng bước, hiện chứng đến đâu thể nghiệm chân lý đến đó, cho đến khi toàn giác. Đức Phật tạo cho ta cái thang, nhưng không kéo giàn hoa xuống hay đẩy thang ta lên được. Ta phải tự tự lực mà trèo từng nấc thang lên giàn hoa chân lý. Trèo được nấc nào là tự thể-nghiệm chân lý nấc ấy. Đối với chân lý chưa hiện chứng chúng ta chỉ nói học không nói biết. Tinh-thần tu chứng đạo Phật là thế.

Do tất cả đặc điểm trên đây, chúng ta thấy Đạo Phật không chỉ là một tôn giáo. Đạo Phật là tất cả, đó là một đặc điểm vừa cuối cùng vừa trước hết của đạo Phật. Cho nên một Phật tử không thực hành đạo Phật bằng cách đề hoạt-động của mình một phần chính vào sự lễ bái cầu nguyện. Mà Phật-tử thực hành đạo Phật là áp dụng đạo Phật vào đời sống của mình, áp dụng vào tất cả mọi hoạt động. Căn bản của đạo Phật là như thật, tinh thần đạo ấy là Bi, Trí Dũng. Sống trong căn bản và tinh thần ấy, Phật tử tự nhiên không thể không phủ nhận sự điên đảo, sự tàn sát, sự manh động và sự nô lệ. Cho nên họ phải tự lực hành động đề thượng thượng tăng tiến. Và hành động ấy không có khu vực trên không gian, không có giới hạn trên thời gian, không có phạm vi trong tổ chức, không có khu phân trong trường hợp. Ở đâu và lúc nào, với ai và cảnh nào, Phật tử cũng áp dụng căn bản và tinh thần bi, trí, dũng của đạo Phật vào đề tác động và chi phối, hầu tạo thành cảnh giới tịnh độ. Cho nên Đạo Phật là đạo bao trùm tất cả. Nói ngược lại, tất cả có tinh thần đạo Phật mới tốt đẹp.

# Những Mẫu Chuyện Đạo

THÍCH MINH-CHÂU

## 1) Cúng dường được phước.

Xưa có một nhà giàu, người ở giúp việc rất đông, tràn bảo vô lượng. Lúc bấy giờ đức Phật cùng ông A Nan khất thực đi ngang nhà ấy. Chủ nhà cùng vợ con cháu chắt đều hoan hỷ thỉnh Phật vào nhà, đem vài quý lót đất, dùng đồ vật bằng vàng bạc dâng cúng. Đức Phật dạy rằng: người này, trong một đời trước, sinh trong một gia-đình nghèo thiếu, phải hái rau mà ăn. Một hôm, canh rau vừa chín thời có một vị tu hành vào khất thực, chủ nhà cùng tất cả vợ con đều nhịn phần ăn của mình mà cúng dường vị tu hành. Trong lòng còn ân hận không có những vật quý để cúng dường. Do nhờ thiện niệm và cử chỉ cúng dường tốt đẹp kia, mà cả gia đình đều được giàu có vô lượng, lại phát tâm tri giới thanh tịnh, gặp Phật, nghe pháp, chứng quả A la Hán.

Kinh TẠP THÍ DỤ

## 2) Sự liên lạc giữa thân trước và thân sau.

Có một vị đi đường, thấy một thầy chết đang bị một vị quỷ thần lấy gậy đánh đập. Người đi đường hỏi: người này đã chết, ông còn đánh đập làm gì? Vị quỷ thần trả lời: «đây là thân trước của tôi; do thân trước này không có hiếu với cha mẹ, không tuân theo luật nước, không tôn thờ Tam Bảo, không nghe lời sư trưởng nên nay tôi phải chịu đau khổ vô lượng. Vì vậy tôi tức

giàu, lấy gậy đánh đập cho thỏa». Đi một đoạn đường lại gặp một thầy chết, có một vị thiên thần đang dùng hoa cúng đường, và lấy tay vuốt ve nằng đỡ, người đi đường hỏi: tôi xem Ngài như vị thần nhiên, sao Ngài lại cúng đường và nằng đỡ vuốt ve thầy chết này? Vị thiên nhân đáp rằng: Đó là thân trước của tôi. Do thân trước này hiếu thuận cha mẹ, trung tín phép nước, phụng thờ Tam Bảo, vâng lời sư trưởng, nên tôi mới được sanh làm vị thiên nhân. Vì muốn báo ân đức ấy, nên tôi đến cúng đường. Đi một đoạn nữa, người đi đường gặp một vị thiên nhân, y phục tốt đẹp, hương diệu trang nghiêm, đang lượm những trái táo chua mà ăn. Người đi đường hỏi rằng: «tôi xem Ngài có tướng một vị thiên nhân, sao lại lượm ăn trái táo chua làm gì». Vị thiên nhân đáp: «tôi ở đời rất hiếu thuận cha mẹ, trung tín phép nước, phụng thờ Tam Bảo, làm mọi việc công đức tôi chỉ có tánh không ưa bỏ thí đồ ăn cho người, nên nay tuy được phước báo làm vị thiên nhân, mà trong bụng không bao giờ no đủ, phải luôn luôn ăn trái táo chua này».

Người đi đường, sau khi thấy ba việc như vậy, liền về nhà phụng trì năm giới, tu hành 10 điều lành, hiếu dưỡng cha mẹ, trung tín với luật nước, và thường đem những sự tội phước đời sau mà răn dạy người.

### 3) Nỗi đau khổ của một người đàn bà điên cuồng.

Ở Thiên Trúc, có một gia đình gồm 4 người, hai vợ chồng và hai con trai, một đứa lên 7 tuổi, một đứa đang còn bồng bế, và người vợ lại đang có thai. Theo phong tục ở Thiên Trúc, thì người đàn bà bao giờ cũng về nhà cha mẹ đẻ sinh đẻ. Lúc bấy giờ, hai vợ chồng mới sắp đặt về bên nhà cha mẹ vợ, hai vợ chồng thời



đi bộ, hai con thì bỏ lên xe bò chở đi. Đi đến thành Xá vệ, thời cho xe nghỉ, con bò được thả ăn cỏ, khi ấy có con rắn bò ra, quấn vào chân con bò, người chông đến đuổi thì bị con rắn cắn chết ngay tại chỗ. Người vợ thấy vậy liền oà lên khóc khô não không lường. Trờì lại về chiều, nếu ở lại thì sợ giặc cướp, đoạn đường lại phải qua một con sông. Người vợ quá sợ hãi, liền bỏ xe, tay dắt, tay bồng, để đứa con lớn ở lại bên bờ, còn mình thì tay bồng con nhỏ lội sông mà qua. Đến giữa giòng thời nghe tiếng đứa con bên bờ la hét lên, ngoảnh lại thời thấy một con cạp đang ăn thịt đứa con lớn của mình. Người mẹ sợ hãi la rú lên, liền sảy tay đứa con đang ẵm trong tay, rơi xuống và bị giòng nước cuốn đi không cứu được. Người mẹ đau đớn quá, tới đến bờ bên kia, vật vã kêu khóc. Trong khi lẫn lộn gào khóc thì bị trụ thai. Vừa lúc ấy, lại được người đưa hai tin khủng khiếp nữa: cả gia đình cha mẹ mình bị lửa đốt cháy và bị nạn thiêu, cả gia đình cha mẹ bên chồng bị giặc cướp bóc và giết hại. Người đàn bà khốn nạn chỉ biết kêu trời, lửa hình cuồng chạy, gào khóc rất thảm thiết. Giữa đường, ai thấy cũng lấy làm quái lạ và chỉ biết thương hại mà thôi. Người đàn bà điên cuồng ấy chạy đến chỗ Phật ở, vừa gặp lúc đức Phật thuyết pháp, chúng hội đông đủ. Thấy Phật năng tự nhiên hết cả ưu sầu, ngó thân thể lửa hình, nàng biết tâm quý cúi lạy. Đức Phật bảo người đưa áo quần cho nàng mặc. Nàng liền phát tâm tin thành, nghe Phật thuyết pháp về tội phước, phát tâm vô thượng, lập nguyện bất thối, ưu sầu tiêu tan, giải thoát mọi phiền não.

Kinh HIỀN NGU.

# Lương Vô Đế

*Thắng lợi chân chính là ở Phật-Giáo  
chứ không phải vũ-khí. — A-DỤC.*

THÍCH THUYỀN-MINH

## IV (tiếp theo)

*Lương vô Đế lại hỏi:* Thịt ấy ăn coi như mùi thịt hay mùi rau?

*Tăng Biện đáp:* coi như mùi thịt.

*Lương vô Đế hỏi:* Thịt ấy từ tâm mà ăn hay ăn không từ tâm?

*Tăng Biện đáp:* Ăn thịt thì không phải từ tâm.

*Lương vô Đế hỏi:* Nếu không phải từ tâm thì há không trái giáo lý?

*Tăng Biện đáp:* Theo lý thì không được ăn như thế, nhưng ăn như thế chỉ theo sự trong luật.

*Lương vô Đế hỏi:* Luật có làm cho người ta giải thoát không?

*Tăng Biện đáp:* Mục đích Luật là cốt làm người giải thoát,

*Lương vô Đế hỏi:* Ăn thịt có thể giải thoát không?

*Tăng Biện đáp:* Không.

*Lương võ Đế hỏi*: Không thì sao lại ăn?

*Tăng Biện đáp*: Việc cho ăn thịt là nói với người sơ căn, và mục đích là cốt dần dắt họ đến chỗ sâu xa.

*Lương võ Đế hỏi*: Thế thì nói cho người thọ cụ túc giới hay người chưa thọ cụ túc giới?

*Tăng Biện đáp*: Nói cho người thọ cụ túc giới.

*Lương võ Đế hỏi*: Đã là cụ túc giới thì không phải là người sơ căn, thế sao Ngài bảo cho ăn thịt để dần dắt vào chỗ sâu xa?

*Tăng Biện đáp*: Cho ăn thịt là sơ giáo chứ không phải chí giáo.

*Lương võ Đế hỏi*: Thế nào là sơ giáo? Sơ giáo sao lại dạy cho người thọ cụ túc giới?

*Tăng Biện đáp*: Sự hiểu biết của tôi chỉ đến ngần ấy.

*Lương võ Đế hỏi*: Luật phát khởi lúc nào?

*Tăng Biện đáp*: Từ tám năm sau (có chỗ đề 12 năm) đức Thế Tôn thành đạo cho đến lúc Ngài niết bàn.

*Lương võ Đế hỏi*: Nếu thế thì kinh NIẾT BÀN, kinh LĂNG GIÀ, kinh UÔNG QUÁT đều có văn cấm ăn thịt; Kinh ĐẠI VẤN, kinh PHƯỚC TƯỢNG cũng có. Giới luật nếu đến lúc Phật niết bàn thì sao không có sự cấm ăn thịt?

*Tăng Biện đáp*: Luật tiếp tục từ sơ giáo nên không có.

*Lương võ Đế hỏi*: Luật tiếp tục từ sơ giáo đến niết bàn thì đáng lẽ phải nói cấm ăn thịt chứ?

*Tăng Biện đáp*: Luật là chế giáo nên tiếp tục sơ giáo. Chứ không phải năm thời giáo pháp đều như nhau. Tăng Biện tôi hiểu chỉ ngần ấy.

*Lương võ Đế hỏi* : Pháp sư là đại luật sư, làm hướng đạo cho mọi người, hôm nay ai cũng thủ quyết nơi pháp sư, pháp sư không nên nói chỉ đến ngàn ấy. Ngàn ấy hay không ngàn ấy, Ngài cũng phải giải quyết cho xong vấn đề. Xin hỏi Ngài Luật Ngài giảng đó có phải của tôn giả Ưu ba Ly kết tập không?

*Tăng Biện đáp* : Phải.

*Lương võ Đế hỏi* : Khi Thế Tôn niết bàn tôn giả Ưu ba ly thân ngồi cạnh Ngài, sao trong Luật Ngài kết tập không có văn cấm ăn thịt?

*Tăng Biện đáp* : Vì Luật ấy tiếp tục sơ giáo trước,

*Lương võ Đế hỏi* : Nếu tiếp tục sơ giáo thì chính sơ giáo cũng không thấy chỗ nào cho ăn thịt. Vả trước NIẾT BÀN, tôn giả Ca Diếp giữ giới luật đã không ăn thịt. Giới luật nào trái với điều ấy thì không phải Luật của Ngài Ưu ba Ly kết tập, là Luật của người khác, sao các Ngài dùng nó giảng giải, giáo hóa tăng chúng?

*Tăng Biện không còn giải đáp được nữa. Lương võ Đế lại hỏi* :

Pháp sư Bảo Độ đã đồng đức đồng hạnh với Ngài Tăng Biện thì giải đáp điều ấy thế nào?

*Bảo Độ đáp* : Việc trong Luật do Ngài Ưu ba Ly kết tập, còn việc trong Kinh do Ngài A Nan kết tập.

*Lương võ Đế hỏi* : Thế thì việc trong Luật không ngoài việc trong Kinh?

*Bảo Độ đáp* : Việc trong Kinh liên quan việc trong Luật, cũng như việc trong Luật liên quan việc trong Kinh.

*Lương võ Đế hỏi* : Khi Phật nói Kinh có điều chi cấm chế thì kết tập lại thành Luật, vậy chỗ nào mới

liên quan với Luật nữa? Nếu Kinh liên quan với Luật cả thì thế là Kinh nói chứ phải Luật đầu? Và thế là đáng lẽ Kinh ở sau Luật?

*Bảo Độ đáp*: Không phải thế. Nhưng trong Kinh chỗ nào nói về Giới thì ý tôi cho rằng chỗ đó liên quan với Luật.

*Lương võ Đế hỏi*: Nếu có sự liên quan với nhau thì ba tạng giáo nghĩa chỗ nào chẳng liên quan với nhau? Trong Kinh có Luật có Luận, trong Luật có Kinh có Luận, cũng như trong Luận có Kinh có Luật. Tôi không phủ nhận điều ấy, nhưng xin hỏi Ngài Luật của Ngài giảng có phải của tôn giả Ưu ba Ly kết tập không? Có trái với Kinh không?

*Bảo Độ đáp*: Của Ngài Ưu ba Ly kết tập và không mâu thuẫn với kệ kinh.

*Lương võ Đế hỏi*: Nếu thế thì đáng lẽ việc ăn thịt không trái với Kinh NIẾT BÀN?

*Bảo Độ đáp*: Kinh NIẾT BÀN cấm hẳn sự ăn thịt, còn Luật tuy vẫn không nói rõ, nhưng ý tôn giả Ưu ba Ly thật chưa hề cho ăn thịt.

*Lương võ Đế hỏi*: Luật là giáo lý cụ thể, đã dạy rõ ràng, lại do tôn giả Ưu ba Ly kết tập, tôn giả Ưu ba Ly lại không cho ăn thịt, vậy tại sao trong Luật lại không có văn rõ ràng? Lời giải đáp của Ngài thật là tiện thoái. Ngài không thể nói với đệ tử như thế được.

*Bảo Độ đáp*: Tôi hiểu chỉ đến ngàn ấy là cùng cực.

*Lương võ Đế lại hỏi*: Còn các vị luật sư khác, các vị nghĩa học khác giải thích chỗ ấy thế nào?

*Ngài Đạo An chùa Long Quang đáp*: Văn trong Luật không cấm ăn thịt, Kinh NIẾT BÀN mới cấm.

*Lương vô Đế hỏi*: Nhưng Luật Ngài nói đó của ai?

*Đạo An đáp*: Của đức Phật.

*Lương vô Đế hỏi*: Cổ nhiên Luật của Phật vô cùng rộng rãi, nhưng đệ tử chỉ muốn biết Luật Ngài nói phải hay không phải của tôn giả Ưu ba Ly kết tập?

*Đạo An đáp*: Là Luật của tôn giả Ưu ba Ly kính thuật giới của Phật chế.

*Lương vô Đế hỏi*: Nhưng tôn giả Ưu ba Ly có thuật tất cả điều Phật chế hay không?

*Đạo An đáp*: Chỉ thuật 4 thời kỳ trước còn thời NIẾT BÀN thì không.

*Lương vô Đế hỏi*: Nếu thế, tại sao tôn giả Ca Diếp bảo Ngài A Nan Phật nói pháp chỗ nào cho đến lúc Ngài niết bàn hãy tập thành Kinh tạng, và bảo Ngài Ưu ba Ly Phật chế giới từ chỗ nào cho đến lúc Ngài niết bàn hãy tập thành Luật tạng? Tôn giả Ca Diếp đã bảo thế thì sao Ngài nói tôn giả Ưu ba Ly chỉ kết tập 4 thời kỳ trước không kết tập thời kỳ NIẾT BÀN?

*Đạo An đáp*: Vì thời kỳ NIẾT BÀN đức Phật không còn chế giới luật nữa.

*Lương vô Đế hỏi*: «Ăn thịt là giết mất giống từ bi. Từ nay ta cấm chế các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt. Tất cả thịt gì cũng không được ăn, dù thịt tự tử cũng vậy». Lời Phật chế trong kinh NIẾT BÀN như thế là giới hay không phải giới?

*Đạo An không thể đáp được nữa. Lương vô Đế bèn lớn tiếng hô to*: Các ngài luật sư thân giảng GIỚI LUẬT, các vị pháp sư đều giảng NIẾT BÀN, tại sao có lúc giải bỏ sự trong trắng? Trong trắng nghĩa là gì? Không giải bỏ ăn chay là trong trắng thì tất nhiên giải bỏ ăn

chay là không phải trong trắng. Trong trắng thì thanh tịnh không trong trắng thì không thanh tịnh. Ăn chay có thể giải bỏ thành ăn mặn, nghĩa là trong trắng có thể giải bỏ thành không trong trắng, như vậy thì giới luật có thể giải bỏ thành không giới luật, nghĩa là thanh tịnh có thể giải bỏ thành không thanh tịnh? Các ngài thân mâu thuẫn giáo lý ấy thì thực đúng như sách thế gian nói «tự vượt vách tường hủy bỏ gia pháp».

*Bấy giờ ngài Pháp Lung chùa Quang Vũ đáp :* Mở cửa ô uest là không trong trắng, đóng cửa ô uest là trong trắng.

*Lương võ Đê hỏi :* Thế sao tăng chúng mở cửa ô uest?

*Pháp Lung đáp :* Thật ra thì không nên mở cửa ô uest, nhưng lòng tham dục sâu dày nên đến nỗi như thế!

*Lương võ Đê hỏi :* Thế thì làm sao sám hối?

*Pháp Lung đáp :* Thành kính chí tâm, ấy là sám hối. Ai sám hối được là bậc đại trọng phụ.

*Lương võ Đê hỏi :* Các người học luật có sám hối ngay không? Trước hàng nghìn đời chúng, pháp sư luật sư như các ngài có sám hối không, trong khi các ngài có nhiệm vụ dẫn đạo người?

*Pháp Lung đáp :* Sao lại không

*Lương võ Đê hỏi :* Nếu sám hối rồi có dùng thịt lại không?

*Pháp Lung đáp :* Tất nhiên là không được ăn. Nhưng trong chúng có người vô minh nhiều thì không khỏi ăn lại.

*Lương võ Đê hỏi :* Sám hối rồi mà ăn với ăn trước khi sám hối, bên nào nặng bên nào nhẹ?

*Pháp Lung đáp* : Như nhau.

*Lương võ Đê hỏi* : Sao lại như nhau ? Trước không gi cả mà ăn, sau đổi trước Phật thế nguyện rồi mà ăn lại, sao lại như nhau ?

*Pháp Lung đáp* : Nhưng người trước không tâm quý, còn người sau có tâm quý cho nên có điều hơn người trước.

*Lương võ Đê hỏi* : Nếu thế thì khác gì vì thẹn với người rồi đánh người ? Đánh người rồi bảo tôi thẹn anh nên đánh anh. Tâm quý sám hối rồi mà ăn thịt cũng thế : « tao thẹn mày nên ăn mày », có nghe được không ?

*Pháp Lung đáp* : Như người đại tà kiến (phủ nhận sự thật đến triệt để) thì không tâm quý. Nhưng khi họ biết tâm quý rồi thì dù tà kiến cũng vẫn khá hơn.

*Lương võ Đê nói* : Đại tà kiến mà biết tâm quý rồi thì không tuyên truyền cho người nữa nên khá hơn không tâm quý. Nhưng đó là sự hiểu biết, khác với việc ăn thịt. Việc ăn thịt tâm quý sám hối rồi mà ăn nữa là biết mà cố phạm, chứ không phải tâm quý. Trước không hiểu hoặc hiểu lầm rồi sau tâm quý, thế mới là tâm quý sám hối. Chứ biết rồi mà cố phạm thì tội nặng hơn không biết. Lại tâm quý sám hối rồi thì không được phạm lại, phạm lại thì phá cả sự tâm tâm quý, khác với ban đầu chỉ vì chưa biết hoặc biết sai mà phạm, cho nên tội lỗi càng nặng hơn.

*Pháp Lung nói* : Khế kinh có văn rõ ràng : Kỳ Bà nói tâm quý thì tội hết, tâm quý là pháp trong trắng.

*Lương võ Đê nói* : Bạch ngài ! Ấy là hiểu lời mà không biết ý. Gây tội lỗi mà biết tâm quý sám hối mới là pháp trong trắng, chứ không phải tâm quý sám hối rồi cố phạm lại mà được gọi là pháp trong trắng.



*Pháp Lung nói:* Khế kinh còn nói tâm quý là phục sức đẹp nhất. Nếu thế thì đáng lẽ không phải là phục sức đẹp?

*Lương võ Đế nói:* Bạch Ngài! Nghĩa cũng như thế. Nếu cứ tạo tội mà nói tâm quý thì không ích gì hết. Tội lỗi rồi mà tâm quý sám hối, không còn tái phạm nữa mới là phục sức đẹp.

*Pháp Lung không biết nói thế nào nữa. Ba vị Luật sư xuống khỏi chỗ ngồi. Lương võ Đế bèn cung thỉnh đại đức Cảnh Hiền chùa Thi hưng lên pháp tòa cao, cao tiếng giảng mấy đoạn văn cấm ăn thịt trong kinh LĂNG GIÀ và kinh ƯƠNG QUẬT, lại giảng phạm « tứ tướng » trong kinh ĐẠI BÁT NIẾP BÀN. Xong rồi Lương võ Đế tha thiết khuyên tăng ni hành đạo, lễ bái sám hối. Và HỘI NGHỊ ẨM CHAY tuyên bố bề mặt Sau khi bề mặt, chiều lại, Lương võ Đế sắc tán kỵ tử vạ là Châu Xà rằng: Pháp Lung bảo tâm quý mà ăn thịt, thế là y như quỉ cái la sát bảo « tao thương mày nên tao ăn mày » mà trong kinh đã nói. Tâm lý của phải Pháp Lung chính là hạng la sát ấy. Phải trị tội! Lại sắc Châu Xà: Tăng Biện bảo ăn thịt xem như thịt tự tử, nếu thế thì chim chóc đầy rừng, sao không thấy con nào tự tử? Hươu nai đầy núi, sao không thấy tự tử con nào? Mà chỉ thấy mua thịt chết phải đến nhà sát sanh, mua cá chết phải tìm nơi bầy lưới? Vậy phi sát sanh làm sao có cá thịt chết? Kinh nói mua thịt với giết chết, tội lỗi đều như nhau. Lại nói bầy lưới bằng tiền bạc, bắt giết bằng gươm dao, cả hai đều cân bằng. Tôi không vì gì tôi, nhưng vì tránh nhân duyên tội báo cho tăng ni nên Tăng Biện phải trị tội!*

*Lại sắc Châu Xà:*

Không được sát sinh là vì trong thân thể của mỗi một chúng sinh có vô số vi trùng. Nếu giết chết một

chúng sanh thì giết chết tất cả. Những vật tự tử lại càng không được ăn, vì vi trùng trước tuy chết rồi nhưng vi trùng sau nảy nở càng nhiều. Hoặc kho hoặc nướng, vô số vi trùng ấy đều chết mất sự sống. Chỉ ngon miệng lưỡi một chút mà chúng sanh chết chóc vô số kể. Trong những vi trùng ấy nhỏ mắt thịt không thấy được chứ to thì ai cũng thấy rõ ràng. Nên diệt tâm từ bi tăng điều tội ác, thiệt không phải điều người xuất gia trọng phu nên làm. Hôm nay các vị tăng ni về chùa hãy tự kiểm thúc, suốt đời nên ý Chánh pháp hành động. Ai còn ăn thịt uống rượu mâu thuẫn Chánh pháp, thì đệ tử sẽ y giới luật đàn hạch. Không kể tuổi tác già trẻ, không kể đồ chúng nhiều ít, đệ tử sẽ xin các vị cao đức đánh kiến chùy, bổ cao đại chúng, rồi buộc xả giới hoàn tục, mặc áo bạch v . . .

**HỘI NGHỊ ĂN CHAY**

Hôm nay thật là đại sự nhân duyên, không những ba ngôi Thường trú có mặt mà hết thấy thiên thần đầy khắp hư không, tất cả thiện thần có đại nguyện hộ pháp cũng không thiếu mặt. Thánh phàm u hiển không ai thiếu cả. Duy vô tội mới trị được tội người, tự thanh tịnh mới tịnh được người khác. Hôm nay đệ tử cao xướng việc ĂN CHAY tất các ngài không bằng lòng. Đệ tử muốn cắt lòng phôi trái giữa đất để cho các ngài xem xét, song vài khối thịt vô tri làm sao bủ tin cho được. Nhưng cổ nhân có dạy: biết dễ làm khó. Đệ tử Tiêu Diễn đây tuy tại gia không trị đại giới, hôm nay cũng lập đại nguyện đề tỏ thật lòng mình. Từ nay cho đến Giác ngộ, nếu đệ tử uống rượu ăn thịt thì đại lực quỷ thần khổ trị đệ tử, trị rồi giao cho Diêm la pháp vương, cho đến muôn loài thành Phật cả rồi mà đệ tử vẫn còn ở trong vô gián ngục. Ai ăn thịt uống rượu

mà không sám hối chừa bỏ thì cũng bị trị tội như thế. Kính mong các đại đức tăng ni ai về chùa nấy chỉnh đốn giới hạnh, hòa hợp với nhau, như pháp tu hành, không được đoạn giống từ bi tuyệt huệ mạng chư Phật nữa. Ai phạm giới phá trai thì y theo tăng chế đúng pháp đàn hạch. Ai che giấu không đàn hạch phải chịu tội ấy.

*Thế là từ đó về sau vĩnh viễn giới sát và ăn chay. Chủ nghĩa từ bi của Phật đã ở Trung quốc được thể hiện là do sức Lương võ Đế. Đọc VĂN ĐOẠN TỬU NHỤC và lời hỏi đáp của Lương võ Đế, người có chút, hơn tâm ai không kinh không cảm hóa Không cảm hóa được thì thật là đất đã cây cỏ, không có mầm giống Phật tánh nữa. Những kẻ ấy họ tự cam chịu khổ sở luân hồi, ai còn biết làm sao. Ngày nay những kẻ mang danh tăng ni, hình giống Xuất gia tâm trái Chánh-pháp, phạm giới phá trai, ăn thịt uống rượu, không biết ngày nào mới có người như Lương võ Đế đem lực lượng chính trị chính lý tăng già một cách đúng với Chánh-pháp, để làm cho toàn thể nhân loại đều tầm gọi tinh thần Phật hóa đại từ đại bi?*

(Hết đoạn IV)

# Đời sống giải thoát đạo Phật có thể thực hiện ở Âu-Châu không?

E. FRANC-PRAT (Samathananda)

MINH-CHÂU dịch

(tiếp theo số 92)

Đối với người Phật-Tử muốn tiến triển trên con đường Đạo, có cần phải có một chương-trình riêng biệt gì không? Dưới đây là lời giải đáp rõ ràng và thiết-thực của Đại-Đức Nyanatiloka. Ngài là người Âu nên rất đủ thẩm quyền để cho biết ý-kiến của Ngài về vấn-đề này: « Không bao giờ có một chương-trình hằng ngày thích hợp cho tất cả mọi người. Chương trình ấy tùy thuộc nhiều ở sở thích và khả năng cá-nhân » Ở đây, chúng ta thấy ngay tất cả sự mềm dẻo của giáo pháp Phật dạy: Một khi đã biết kính trọng những yếu lý đại cương Phật dạy, người ta có quyền sắp đặt đời sống riêng của mình, tùy theo ý muốn. Nhưng Ngài Nyanatiloka có thêm một vài yếu-điểm tối-thiểu mà một Phật-tử cần phải gìn giữ: « Mỗi ngày, cần phải tán thán cung kính Tam Bảo và tụng đọc năm giới điều Phật dạy, buổi sáng và buổi chiều. Có thể thêm phép quán tưởng về hạnh Từ Bi, về sự vô thường giả tạm của muôn vật, về lý vô ngã hay về sự ích kỷ ». Chúng ta thấy rõ rằng nguyên tắc của đời sống này không gì tương phản với đời sống Âu Tây. Đời sống xã-hội và đời sống gia-đình đều được ghi trước trong kinh điển Phật dạy. Sự giao thiệp ở đời giữa bạn bè, bà con, giữa người trên và kẻ dưới đều được định rõ một cách minh bạch, và điểm này chứng minh rằng đạo Phật không phải là kẻ thù của mọi tổ-chức xã-hội, vì chủ nghĩa cá-nhân, tột điểm của Phật dạy đều xây-dựng trên sự sáng suốt và chỉ có mục-dịch là giúp đỡ sự phát triển tự do của lý trí. Một phần ba nhân loại là Phật-tử, điều đó chứng tỏ rõ ràng là phương-pháp Phật dạy có tính cách quốc-tế. Tại sao Âu Châu lại không được phép tham dự vào quan điểm luân lý tâm lý học của đời sống và của sự giải-

thoát con người bởi tự chính mình này? Sự thật, sức mạnh giáo pháp đạo Phật đều nhờ đức Phật chú trọng nhiều về đời bên trong. Tất cả ngoại cảnh đều dưới hình-thức gì cũng thành một sự phụ thuộc mà người đệ tử cần tìm hết năng lực để lợi dụng, bằng cách nhận thức đúng đắn những nguyên nhân tác động và sự phản ứng của những cảm-giác, và lãnh thọ tiếp diễn theo. Vậy nên, không có một hiện tượng tốt hay xấu mà chỉ có những hiện tượng thuận tiện hay trở ngại cho sự tiến triển trên con đường giải-thoát. Chúng ta thấy rõ ở nơi đây, nguyên ủy của lý thuyết thường phát trong đạo Phật. Sự hệ trọng chỉ ở nơi sự phản ứng của từng trạng thái do ngoại cảnh hay do ý muốn tác động. Lễ dĩ nhiên, lòng mê tín của quần chúng có thêm cho mọi cử chỉ thuần thiện những đức tánh thần bí giải-thoát. Vậy nên chúng tôi nghĩ không nên phán đoán một phương pháp tâm lý liệu pháp (psychothérapie) học như đạo Phật, theo sự tín-ngưỡng của một vài dân tộc.

Mỗi khi chúng ta muốn nghiên cứu đạo Phật để tỏ chức đại chúng, chúng ta thấy nhiều sự trở ngại nhất là hình như đạo Phật thiên trọng nhiều về sự giải thoát cá nhân. Đức Phật chỉ nói với những hạng người tự hiểu mình và cương quyết tiến trên con đường giải thoát. Người đệ tử rất dễ nhận thức ngoại cảnh chỉ là một sự tùy thuộc của tự thân. Lòng từ bi không bờ bến của đạo Phật là sợi giây duy nhất nối liền người Phật tử với những nỗi đau khổ của đời sống trên thế giới này. Trước nửa thế kỷ người ta có thể hiểu rằng quan điểm đời sống như trên không thể được thế giới khoa học Âu Mỹ tán đồng. Hai triệu thế giới đại chiến vừa rồi đã nêu rõ cho người Âu Mỹ thấy đời sống bên trong rất tương quan với những giá trị tương đối và cố định. Sự nhận thức giá trị chân thật của đời sống bên trong, trên một địa hạt hoàn toàn cá nhân và tất cả những lý thuyết mới lạ đối với triết học Tây Phương do sự nhận thức trên kia đem lại, là bước đầu của Âu Mỹ đến với đạo Phật. Một hiện tượng chỉ xảy ra, mỗi khi thời tiết nhân duyên cho phép! Đây chính đúng với hiện tình của đạo Phật đối với Tây phương vậy.

Sự du nhập của Đạo Phật vào Âu Châu hiệp ứng với sự

giác tỉnh ý chí học Đạo và với sự khao khát hiểu biết những cảnh giới phiến toái và sâu kín của tâm trí con người. Vả lại, quan điểm không siêu hình của đạo Phật hấp dẫn những ai, đã mệt mỏi với sự khô khan vô dụng của đời sống vật chất hiện tại, không còn muốn trở lại với phương pháp siêu hình của những truyện thần kỳ tôn giáo, mà chỉ muốn nghiên cứu những trạng thái chân thật về tâm lý của con người. Cho nên, chúng ta nhận thấy ở Âu tây, có rất nhiều sự cố gắng để hiểu biết và thực nghiệm phương pháp Phật dạy. Đại đức Nyavatilaka có viết cho chúng tôi rằng: Trong tất cả nước ở Âu Châu, nhất là Đức, Anh, Phần Lan, Thụy Điển, Ý, Thụy Sĩ v.v... sự truyền bá đạo Phật được hưởng ứng, được lan tràn mạnh mẽ. Hình như thời tiết dễ gieo vãi Đạo lý hòa bình và thanh tịnh rất đặc biệt thuận tiện.

Tuy vậy, nếu đời sống giải thoát ở gia đình tương đối dễ dàng áp dụng trong những nước Âu Tây, vậy còn đời sống giải thoát của vị Tỷ kheo không tham dâm một chút gì và sống bởi sự giúp đỡ của công chúng, có thể thực hiện được không? ở Đông Phương, người xuất gia cần dùng rất ít để tự sống nhưng số Phật tử biết cúng dường các vị khất sĩ lại rất đông. Ở Tây Phương, số Phật tử dễ săn sóc những nhà tu hành còn quá ít, và thời tiết hình như không thuận tiện cho một đời sống khất thực vô định. Nhưng chúng tôi trả lời ngay rằng ở Âu Châu, những vị Tỷ kheo khất thực rất có thể sống một cách dễ dàng và không thiếu một món gì.

(còn nữa)